



KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Đối tượng áp dụng: Từ khóa tuyển sinh 2016

Ngành: **NGÔN NGỮ NHẬT**

Chuyên ngành: **Tiếng Nhật thương mại**

Mã số ngành: **52220209**

Khoa: **Ngôn ngữ và văn hóa nước ngoài**

Tổng khối lượng kiến thức:

126 tín chỉ tích lũy

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tính chất (bắt buộc hay tự chọn)	Số tín chỉ	Phân bổ tín chỉ					Đơn vị quản lý học phần	Ghi chú
					LT	TH/ TN	TT	ĐA MH	ĐA/ KLTN		
Học kỳ 1											
01	JAP303	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Nhật	BB	2	2					K. NN&VHNN	
02	JAP316	Trải nghiệm ngành, nghề	BB	1			1			K. NN&VHNN	
03	LAW101	Pháp luật đại cương	BB	3	3					K. GDĐC	
04	NAS101	Môi trường và con người	BB	3	3					K. GDĐC	
05	SKL101	Phương pháp học đại học	BB	3	3					K. GDĐC	
		Tổng Học kỳ 1		12	11	0	1	0	0		
Học kỳ 2											
01	JAP310	Tiếng Nhật Nghe - Nói 1	BB	2	2					K. NN&VHNN	
02	JAP306	Tiếng Nhật Đọc - Viết 1	BB	2	2					K. NN&VHNN	
03	JAP312	Tiếng Nhật Ngữ pháp 1	BB	2	2					K. NN&VHNN	
04	POL102	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	BB	2	2					K. GDĐC	
05	SOS101	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	BB	3	3					K. GDĐC	
06	VIE201	Kỹ năng sử dụng Tiếng Việt	BB	3	3					K. GDĐC	
		Tổng Học kỳ 2		14	14	0	0	0	0		
Học kỳ 3											
01	JAP311	Tiếng Nhật Nghe - Nói 2	BB	2	2					K. NN&VHNN	
02	JAP307	Tiếng Nhật Đọc – Viết 2	BB	2	2					K. NN&VHNN	
03	JAP313	Tiếng Nhật Ngữ pháp 2	BB	2	2					K. NN&VHNN	
04	POL103	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	BB	3	3					K. GDĐC	
05	BUS101	Tinh thần khởi nghiệp	BB	3	3					K. GDĐC	
06	SOS102	Văn Hiến Việt Nam	BB	3	3					K. GDĐC	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tính chất (bắt buộc hay tự chọn)	Số tín chỉ	Phân bổ tín chỉ					Đơn vị quản lý học phần	Ghi chú
					LT	TH/TN	TT	ĐA MH	ĐA/ KLTN		
		Tổng Học kỳ 3		15	15	0	0	0	0		
Học kỳ 4											
01	JAP439	Tiếng Nhật Nghe - Nói 3	BB	2	2					K. NN&VHNN	
02	JAP448	Tiếng Nhật Đọc – Viết 3	BB	2	2					K. NN&VHNN	
03	JAP460	Tiếng Nhật Ngữ pháp 3	BB	2	2					K. NN&VHNN	
04	POL104	Tư tưởng Hồ Chí Minh	BB	2	2					K. GDĐC	
05		<i>(Chọn 2 trong 5 học phần)</i>	TC	6							
	SOS205	Giao tiếp đa văn hóa		3	3					K. GDĐC	
	MAN201	Quản trị học		3	3					K. GDĐC	
	MAR201	Marketing căn bản		3	3					K. GDĐC	
	SOS206	Mỹ học đại cương		3	3					K. GDĐC	
	ART201	Biểu diễn âm nhạc và khiêu vũ		3	3					K. GDĐC	
		Tổng Học kỳ 4		14	14	0	0	0	0		
Học kỳ 5											
01	JAP440	Tiếng Nhật Nghe - Nói 4	BB	2	2					K. NN&VHNN	
02	JAP449	Tiếng Nhật Đọc – Viết 4	BB	2	2					K. NN&VHNN	
03	JAP461	Tiếng Nhật Ngữ pháp 4	BB	2	2					K. NN&VHNN	
04	POL101	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	BB	3	3					K. GDĐC	
05		<i>(Chọn 2 trong 6 học phần)</i>	TC	6							
	INT201	Đại cương về công nghệ thông tin và truyền thông		3	3					K. GDĐC	
	SOS203	Các nền văn minh thế giới		3	3					K. GDĐC	
	SOS204	Các vấn đề xã hội đương đại		3	3					K. GDĐC	
	PSY201	Tâm lý học đại cương		3	3					K. GDĐC	
	ECO201	Kinh tế học đại cương		3	3					K. GDĐC	
	SKL202	Kỹ năng hành chính văn phòng		3	3					K. GDĐC	
		Tổng Học kỳ 5		15	15	0	0	0	0		
Học kỳ 6											
01	JAP441	Tiếng Nhật Nghe - Nói 5	BB	2	2					K. NN&VHNN	
02	JAP450	Tiếng Nhật Đọc – Viết 5	BB	2	2					K. NN&VHNN	
03	JAP462	Tiếng Nhật Ngữ pháp 5	BB	2	2					K. NN&VHNN	
04	JAP423	Đất nước học Nhật Bản	BB	2	2					K. NN&VHNN	
05	JAP429	Ngôn ngữ học tiếng Nhật	BB	2	2					K. NN&VHNN	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tính chất (bắt buộc hay tự chọn)	Số tín chỉ	Phân bổ tín chỉ					Đơn vị quản lý học phần	Ghi chú
					LT	TH/TN	TT	ĐA MH	ĐA/ KL TN		
06	JAP426	Hán tự học tiếng Nhật	BB	2	2					K. NN&VHNN	
07		<i>(Chọn 1 trong 3 học phần)</i>	TC	3							
	ENG201	Tiếng Anh giao tiếp 1			3					K. GDĐC	
	CHI201	Tiếng Trung giao tiếp 1			3					K. GDĐC	
	KOR201	Tiếng Hàn giao tiếp 1			3					K. GDĐC	
		Tổng Học kỳ 6		15	15	0	0	0	0		
Học kỳ 7											
01	JAP428	Lý thuyết dịch	BB	2	2					K. NN&VHNN	
02	JAP442	Tiếng Nhật Nghe - Nói 6	BB	2	2					K. NN&VHNN	
03	JAP451	Tiếng Nhật Đọc – Viết 6	BB	2	2					K. NN&VHNN	
04	JAP463	Tiếng Nhật Ngữ pháp 6	BB	2	2					K. NN&VHNN	
05	JAP481	Văn hóa doanh nghiệp Nhật Bản	BB	2	2					K. NN&VHNN	
06	JAP477	Thực tập 1 Ngôn ngữ Nhật	BB	2			2			K. NN&VHNN	
07		<i>(Chọn 1 trong 3 học phần)</i>	TC	3							
	ENG202	Tiếng Anh giao tiếp 2			3					K. GDĐC	
	CHI202	Tiếng Trung giao tiếp 2			3					K. GDĐC	
	KOR202	Tiếng Hàn giao tiếp 2			3					K. GDĐC	
		Tổng Học kỳ 7		15	13	0	2	0	0		
Học kỳ 8											
01	JAP443	Tiếng Nhật Nghe - Nói 7	BB	2	2					K. NN&VHNN	
02	JAP452	Tiếng Nhật Đọc – Viết 7	BB	2	2					K. NN&VHNN	
03	JAP464	Tiếng Nhật Ngữ pháp 7	BB	2	2					K. NN&VHNN	
04	JAP420	Biên dịch thương mại Nhật Việt – Việt Nhật	BB	2	2					K. NN&VHNN	
05	JAP435	Phiên dịch thương mại Nhật Việt – Việt Nhật	BB	2	2					K. NN&VHNN	
06		<i>(Chọn 2 trong 12 học phần)</i>	TC	4	4						
		<u>Định hướng giảng dạy</u>									
	JAP437	Phương pháp giảng dạy tiếng Nhật			2	2				K. NN&VHNN	
	JAP430	Ngữ âm học tiếng Nhật			2	2				K. NN&VHNN	
	JAP431	Ngữ pháp học tiếng Nhật			2	2				K. NN&VHNN	
		<u>Định hướng biên - phiên dịch</u>									
	JAP446	Tiếng Nhật công sở			2	2				K. NN&VHNN	
	JAP458	Tiếng Nhật kinh thương			2	2				K. NN&VHNN	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tính chất (bắt buộc hay tự chọn)	Số tín chỉ	Phân bổ tín chỉ					Đơn vị quản lý học phần	Ghi chú
					LT	TH/TN	TT	ĐA MH	ĐA/ KLTN		
00	JAP459	Tiếng Nhật lễ hành – khách sạn	TC	2	2					K. NN&VHNN	
	JAP466	Tiếng Nhật tài chính – ngân hàng		2	2					K. NN&VHNN	
	JAP445	Tiếng Nhật công nghệ thông tin		2	2					K. NN&VHNN	
		<u>Định hướng nghiên cứu</u>		2							
	JAP482	Văn hóa Nhật Bản		2						K. NN&VHNN	
	JAP427	Lịch sử Nhật Bản		2	2					K. NN&VHNN	
	JAP483	Văn học Nhật Bản		2	2					K. NN&VHNN	
	JAP484	Xã hội Nhật Bản đương đại		2	2					K. NN&VHNN	
		Tổng Học kỳ 8		14	14	0	0	0	0		
Học kỳ 9											
01	JAP588	Thực tập tốt nghiệp	BB	3			3			K. NN&VHNN	
02	JAP585	Khóa luận tốt nghiệp	TC	9					9	K. NN&VHNN	
03		<i>Các HP thay thế KLTN:</i>	TC	9							
	JAP421	Biên dịch thương mại Nhật Việt – Việt Nhật nâng cao		3	3					K. NN&VHNN	
	JAP436	Phiên dịch thương mại Nhật Việt – Việt Nhật nâng cao		3	3					K. NN&VHNN	
	JAP469	Tiếng Nhật tổng hợp nâng cao		3	3					K. NN&VHNN	
		Tổng Học kỳ 9		12	9	0	3	0	9		

- Ghi chú:**
1. Các học phần Giáo dục quốc phòng - An ninh: học tập trung trong thời gian hè, theo lịch của Trường.
 2. Các học phần Giáo dục thể chất sẽ được bố trí theo kế hoạch chung của toàn trường.
 3. Các học phần Kỹ năng mềm, Ngoại ngữ - Tin học chuẩn đầu ra: sinh viên liên hệ Viện Doanh trí Văn Hiến; Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học.

TL. HIỆU TRƯỞNG
TP. QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

Lê Sĩ Hải